

Đơn vị: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban
nhân dân xã Liên Minh

Chương: 830

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày 21 tháng 10 năm 2028

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý III năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	23.896.812.695	21.533.380.395	90,11	
I	Nguồn ngân sách trong nước	23.896.812.695	21.533.380.395	90,11	
1	Chi quản lý hành chính	23.896.812.695	21.533.380.395	90,11	
	011 - Quốc phòng	973.923.200	762.116.400	78,25	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	973.923.200	762.116.400	78,25	
	041 - An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.792.074.100	1.410.875.900	78,73	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.792.074.100	1.410.875.900	78,73	
	341 - Quản lý nhà nước	16.029.673.745	14.259.246.445	88,96	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	16.029.673.745	14.259.246.445	88,96	
	351 - Hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam	1.912.709.150	1.912.709.150	100,00	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.912.709.150	1.912.709.150	100,00	
	361 - Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội	3.106.017.700	3.106.017.700	100,00	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.106.017.700	3.106.017.700	100,00	
	362 - Hỗ trợ các các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp	82.414.800	82.414.800	100,00	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	82.414.800	82.414.800	100,00	

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

Chánh Văn Phòng

(Chữ ký, dấu)



Đào Xuân Quỳnh